

**VĂN BẢN HỢP NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật**

Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thú y theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/10/2010, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011;

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,<sup>1</sup>*

<sup>1</sup> Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thú y theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/10/2010, có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thú y theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/10/2010 như sau:”*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

**Điều 2<sup>2</sup>.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ và thay thế Quyết định số 62/2002/QĐ-BNN ngày 11 tháng 7 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ban hành kèm theo Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

**Điều 3<sup>3</sup>.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Thú y, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

---

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011, quy định như sau:

*“Điều 4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.”*

<sup>3</sup> Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011, quy định như sau:

*“Cục trưởng Cục Thú y, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”*

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về điều kiện thú y đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, thủ tục đăng ký và công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thú y trong vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

a) Vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh để cung cấp động vật, sản phẩm động vật cho tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu gồm: Vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh của một loài động vật đối với một bệnh hoặc nhiều bệnh; Vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh của nhiều loài động vật đối với một bệnh hoặc nhiều bệnh;

b) Động vật, sản phẩm động vật trong Quy định này theo khoản 1, 2 Điều 3 của Pháp lệnh Thú y, trừ động vật lưỡng cư; cá, giáp xác, nhuyễn thể, động vật có vú sống dưới nước và các loại động vật thủy sinh khác.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; mua bán, giết mổ động vật; sơ chế, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; vận chuyển động vật và sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Vùng an toàn dịch bệnh* là vùng lãnh thổ (một huyện hay nhiều huyện; một tỉnh hay nhiều tỉnh) được xác định, ở đó không xảy ra ca bệnh nào trong thời gian quy định cho từng bệnh hoặc nhiều bệnh và các hoạt động về thú y phải đảm bảo kiểm soát được dịch bệnh, kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y giết mổ. Kiểm soát được nguồn gốc động vật và sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. *Cơ sở an toàn dịch bệnh* là cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm (trại, nông trường, xí nghiệp) hoặc một xã, một phường mà ở đó không xảy ra ca bệnh nào trong thời gian quy định cho từng bệnh và các hoạt động chăn nuôi, thú y đảm bảo kiểm soát được dịch bệnh, kiểm soát được việc xuất, nhập động vật, sản phẩm động vật.

3. *Vùng đệm* là vùng tiếp giáp với vùng an toàn, phạm vi của vùng đệm có bán kính tính từ chu vi vùng an toàn dịch bệnh là 10km đối với bệnh LMLM, 5km đối với bệnh Dịch tả lợn, 3km đối với bệnh Cúm gia cầm và Newcastle, 1 km đối với các bệnh khác.

Phạm vi vùng đệm của cơ sở an toàn dịch bệnh có bán kính tính từ chu vi cơ sở an toàn dịch bệnh là 5km đối với bệnh LMLM, 3km đối với bệnh Dịch tả lợn, 2km đối với bệnh Cúm gia cầm và Newcastle, 0,5km đối với các bệnh khác.

4. *Ô dịch* là nơi đang có bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của động vật thuộc Danh mục các bệnh phải công bố dịch hoặc Danh mục các bệnh nguy hiểm của động vật.

5. *Giám sát dịch bệnh* là việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá tính chất, nguyên nhân xuất hiện, phương thức lây lan bệnh trong suốt quá trình chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ động vật, sơ chế, kinh doanh sản phẩm động vật.

6. *Điều kiện vệ sinh thú y* là những yêu cầu, tiêu chuẩn về địa điểm, vị trí trang trại; chuồng nuôi, kho bảo quản, không khí, nước, môi trường; con giống, thức ăn chăn nuôi; dụng cụ chăn nuôi, chất thải theo quy định của Nhà nước.

## Chương II

### ĐIỀU KIỆN THÚ Y ĐỐI VỚI VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH

**Điều 3. Điều kiện vệ sinh thú y (sau đây viết tắt là VSTY) đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh**

1. Điều kiện về dịch bệnh đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc được quy định như sau:

a) An toàn đối với bệnh Lở mồm long móng (sau đây viết tắt là LMLM): không có dịch bệnh ít nhất 12 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy hoặc sau 02 năm kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng đã khỏi bệnh;

b) An toàn đối với bệnh Dịch tả lợn (sau đây viết tắt là DTL): không có dịch bệnh ít nhất 40 ngày kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị tiêu hủy, bị giết mổ bắt buộc hoặc sau 6 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng khỏi bệnh hoặc bị chết;

c) An toàn đối với bệnh Cúm gia cầm: không có dịch bệnh ít nhất 01 năm kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết hoặc bị tiêu hủy;

d) An toàn đối với bệnh Đại: không có dịch bệnh ít nhất 24 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết hoặc bị tiêu hủy, thực hiện nghiêm chỉnh điều 6, 7, 8 Chương II phòng chống bệnh dại của Nghị định số 05/2007/NĐ-CP ngày 09/01/2007 của Chính phủ về phòng, chống bệnh dại ở động vật như: 100% số gia đình đăng ký nuôi chó với Ủy ban nhân cấp xã, 100% số chó được tiêm phòng vắc xin. Khi kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng có miễn dịch bảo hộ trên 80%, chủ vật nuôi phải thực hiện xích, nhốt hoặc giữ chó, đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường không ảnh hưởng tới người xung quanh, kiểm tra huyết thanh không có vi rút Đại lưu hành trên đàn chó (tỷ lệ mẫu kiểm tra huyết thanh theo phụ lục 6);

đ) An toàn đối với bệnh Newcastle, Dịch tả vịt: không có dịch bệnh Newcastle, dịch bệnh Dịch tả vịt ít nhất 1 năm kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết hoặc bị xử lý;

e) An toàn đối với bệnh Rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS) thể độc lực cao: không có dịch bệnh ít nhất 6 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy; sau 1 năm đối với con vật mắc bệnh cuối cùng đã khỏi bệnh (Kiểm tra huyết thanh âm tính với bệnh, tỷ lệ mẫu kiểm tra huyết thanh theo phụ lục 6);

f) An toàn đối với các dịch bệnh khác (Leptospirosis, Brucellosis, Aujeszky, Gumboro, Marek...): không có dịch bệnh ít nhất 6 tháng kể từ khi con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy; sau 1 năm đối với con vật mắc bệnh cuối cùng đã khỏi bệnh (kiểm tra huyết thanh âm tính với bệnh, tỷ lệ mẫu kiểm tra huyết thanh theo phụ lục 6).

2. Có thể xảy ra bệnh khác thuộc Danh mục phải công bố dịch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng dịch chỉ xảy ra lẻ tẻ, số lượng ít, không phát thành dịch và động vật mắc bệnh được xử lý kịp thời theo quy định.

3. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thú y trong bản Quy định này đối với việc tiêm phòng, xét nghiệm bệnh, kiểm dịch, kiểm tra vệ sinh thú y giết mổ, sơ chế, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, thức ăn chăn nuôi, khai báo dịch bệnh.

4. Đảm bảo đủ điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn hiện hành của Cục Thú y đối với các cơ sở có hoạt động liên quan đến thú y quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quy định này.

#### **Điều 4. Quy định về việc khai báo dịch bệnh**

1. Đối với vùng an toàn dịch bệnh là tỉnh, thành phố, huyện, quận, thị xã và cơ sở an toàn dịch bệnh là xã, phường:

a) Tổ chức, cá nhân trong thôn, ấp, bản, xã, phường, thị trấn, thị tứ có chăn nuôi, giết mổ động vật phải có sổ theo dõi tình hình chăn nuôi, dịch bệnh, giết mổ. Khi thấy động vật mắc bệnh hoặc chết do nghi mắc bệnh truyền nhiễm phải báo ngay cho Thú y xã, phường hoặc cơ quan Thú y và chính quyền sở tại, không được vận chuyển, bán, giết mổ, lưu thông trên thị trường;

Khi xảy ra dịch bệnh đăng ký an toàn hoặc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như LMLM, DTL, Cúm gia cầm phải báo cáo ngay Thú y xã hoặc Trạm Thú y huyện theo chế độ báo cáo đột xuất 02 ngày/1 lần. Khi không có dịch xảy ra thì thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 7 ngày/1 lần đối với các bệnh nguy hiểm như LMLM, DTL, Cúm gia cầm;

b) Ngoài báo cáo khi có dịch bệnh đột xuất, định kỳ hàng tháng Ban Thú y xã phải báo cáo Trạm thú y huyện, Trạm thú y huyện báo cáo Chi Cục Thú y tỉnh, Chi cục Thú y tỉnh báo cáo cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y (*theo phụ lục 7, 8*).

2. Đối với cơ sở an toàn dịch bệnh là cơ sở chăn nuôi:

a) Trại chăn nuôi có quy mô nhỏ thuộc địa bàn xã, phải báo cáo dịch bệnh trực tiếp cho Thú y xã;

b) Trại chăn nuôi tư nhân hoặc doanh nghiệp chăn nuôi có quy mô trung bình trở lên báo cáo dịch bệnh trực tiếp cho Trạm Thú y huyện;

c) Trại chăn nuôi thuộc tỉnh quản lý báo cáo dịch bệnh trực tiếp cho Chi cục Thú y tỉnh;

d) Nông trường, trại chăn nuôi giống thuộc trung ương quản lý, báo cáo dịch bệnh trực tiếp cho cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y.

3. Thú y xã, cơ quan Thú y nhận được khai báo dịch bệnh, phải kiểm tra xác minh ngay, trường hợp cần thiết phải lấy mẫu xét nghiệm hoặc gửi xét nghiệm bệnh. Trong trường hợp nghi mắc bệnh LMLM, DTL, Cúm gia cầm, Newcastle hoặc bệnh được đăng ký an toàn dịch bệnh thì phải báo cáo ngay cơ quan Thú y cấp trên.

### **Điều 5. Quy định về việc tiêm phòng**

1. Chế độ tiêm phòng đối với từng bệnh, từng loài động vật trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh thực hiện theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BNN ngày 13/10/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Riêng đối với bệnh Cúm gia cầm phải áp dụng chế độ tiêm phòng trong chiến lược tiêm vắc xin Cúm gia cầm hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với bệnh đăng ký an toàn, tỷ lệ tiêm phòng phải đạt trên 90% so với tổng đàn và 100% so với diện phải tiêm.

3. Đối với các bệnh khác như: Tụ huyết trùng trâu bò, Tụ huyết trùng lợn, Đóng đầu lợn, Nhiệt thán, Ung thán khí, Phó thương hàn, Lép tô (nơi có ổ dịch cũ) phải tiêm phòng theo quy định 6 tháng một lần, đạt tỷ lệ  $\geq 80\%$  so với diện tiêm. Kết quả tiêm phòng phải được ghi chép và báo cáo định kỳ theo phụ lục 7.

4. Đối với một số bệnh nguy hiểm như LMLM, Cúm gia cầm, DTL, Newcastle phải thực hiện việc giám sát sau mỗi đợt tiêm phòng để đánh giá hiệu quả của công tác tiêm phòng.

**Điều 6. Quy định về việc kiểm dịch động vật**

1. Kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, đặc biệt đối với động vật, sản phẩm động vật nhập vào vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, cụ thể:

a) Động vật, sản phẩm động vật được đưa vào vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh phải có nguồn gốc từ vùng, cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh và phải có giấy chứng nhận kiểm dịch tại gốc của cơ quan Thú y có thẩm quyền;

b) Động vật phải được nuôi cách ly trong thời gian từ 15 - 30 ngày tùy theo từng bệnh, từng loài động vật tại khu cách ly trước khi cho nhập đàn.

2. Trong trường hợp để ngăn chặn dịch bệnh lây lan vào vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập các chốt kiểm dịch động vật trên các đường giao thông chính trong vùng đệm.

3. Chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch cho động vật, sản phẩm động vật được lấy từ vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc từ cơ sở không có dịch bệnh và có xác nhận của cơ quan thú y sở tại.

**Điều 7. Quy định về kiểm tra vệ sinh thú y và giết mổ động vật**

1. Cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ động vật, con giống, thức ăn, nước uống phải được kiểm tra 2 lần/1 năm và phải đạt quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn quốc gia về vệ sinh thú y.

2. Việc giết mổ gia súc, gia cầm để kinh doanh phải được thực hiện tại các cơ sở giết mổ tập trung, đủ điều kiện vệ sinh thú y và được cơ quan thú y kiểm soát giết mổ.

3. Việc buôn bán động vật, sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh phải được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo chỉ lưu thông, buôn bán động vật, sản phẩm động vật đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

**Điều 8. Quy định về chẩn đoán, xét nghiệm bệnh**

1. Định kỳ tiến hành khảo sát, đánh giá về huyết thanh học, sự lưu hành của virus đối với bệnh đăng ký an toàn và các bệnh truyền lây sang người.

2. Khi có động vật mắc bệnh, chết mà nghi là bệnh dịch nguy hiểm, cơ quan thú y phải tiến hành chẩn đoán, xét nghiệm ngay và có phiếu kết quả chẩn đoán kèm theo báo cáo dịch bệnh.

3. Kiểm tra, đánh giá khả năng đáp ứng miễn dịch đối với các bệnh đã tiêm phòng, kiểm tra huyết thanh học đối với một số bệnh mang trùng như: bệnh LMLM, DTL, Lép tô, Sẩy thai truyền nhiễm, Lao, Bạch ly, CRD (được thực hiện theo quy định tại phụ lục 6) trước khi công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và kiểm tra định kỳ được thực hiện theo phân công, phân cấp về chẩn đoán của Cục Thú y.

4. Bảo vệ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh:

a) Khi đã được công nhận là vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn để mầm bệnh không xâm nhập vào do các yếu tố lây lan như

gió, nguồn nước, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, sự đi lại của con người, phương tiện giao thông;

b) Kiểm tra huyết thanh học định kỳ (*được thực hiện theo quy định tại phụ lục 6*).

### **Điều 9. Quy định về xử lý động vật mắc bệnh truyền nhiễm**

1. Thực hiện việc giết hủy động vật mắc bệnh LMLM ngay khi phát hiện được bệnh.

2. Xử lý động vật mắc bệnh Dịch tả lợn như sau:

a) Lợn có trọng lượng < 20 kg phải tiêu hủy bằng cách chôn hoặc đốt;

b) Lợn có trọng lượng > 20 kg phải giết mổ bắt buộc và thịt có thể sử dụng làm thực phẩm sau khi luộc chín. Phũ tạng và các sản phẩm khác phải tiêu hủy.

3. Xử lý gia cầm mắc bệnh cúm gia cầm như sau:

Tiêu hủy cả đàn ngay khi phát hiện được bệnh, phải có trang thiết bị bảo hộ tránh để dịch lây lan và lây nhiễm sang người.

4. Thực hiện việc tiêu hủy, giết mổ bắt buộc đối với động vật mắc các bệnh khác theo hướng dẫn, giám sát của cơ quan Thú y phù hợp cho từng bệnh theo quy định của pháp luật Thú y.

5. Gia súc, gia cầm chết do các bệnh truyền nhiễm khác đều phải tiêu hủy.

## **Chương III THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ CÔNG NHẬN VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH**

### **Điều 10. Thủ tục đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, chủ cơ sở chăn nuôi đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải lập hồ sơ đăng ký gồm:

1. Đơn đăng ký vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (*theo mẫu quy định tại phụ lục 1a, 1b*);

2. Tờ trình về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh (*theo mẫu quy định tại phụ lục 4a, 4b*), bao gồm các nội dung sau:

a) Lập báo cáo mô tả vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh về địa điểm, địa lý tự nhiên, đặc điểm sản xuất chăn nuôi;

b) Hoạt động thú y trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

Mỗi vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh có một tờ trình riêng.

**Điều 11. Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh<sup>4</sup>**

1. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã), chủ cơ sở chăn nuôi đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 của Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn tới Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y cấp tỉnh).

2. Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, Chi cục Thú y cấp tỉnh kiểm tra hồ sơ nếu đầy đủ thì chuyển ngay cho Cục Thú y. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Thú y xem xét và có công văn trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận việc xây dựng vùng an toàn dịch bệnh.

3. Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh của cơ sở chăn nuôi do Trung ương quản lý, cơ sở chăn nuôi có vốn đầu tư của nước ngoài, Chi cục Thú y cấp tỉnh kiểm tra hồ sơ nếu đầy đủ thì chuyển ngay cho Cơ quan Thú y vùng (Cục Thú y) phụ trách địa bàn. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ, Cơ quan Thú y vùng xem xét và có công văn trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh của cơ sở chăn nuôi do địa phương quản lý, hồ sơ đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi cục Thú y cấp tỉnh xem xét và có công văn trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận cho cơ sở chăn nuôi, xã xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật”.

**Điều 12. Thủ tục đăng ký công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh<sup>5</sup>**

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này, khi đăng ký công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh gửi 01 bộ hồ sơ về cơ quan có thẩm quyền chấp nhận việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 11 của Thông tư này.

---

<sup>4</sup> Điều này được sửa đổi, theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

<sup>5</sup> Điều này được sửa đổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

2. Hồ sơ đăng ký công nhận bao gồm:

a) Đơn đăng ký công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh;

b) Tờ trình về điều kiện vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh đã được xây dựng;

c) Các tài liệu khác có liên quan: kết quả tiêm phòng, giám sát sau tiêm phòng; kết quả kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y; kết quả chẩn đoán, giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, do Trung tâm chẩn đoán Thú y Trung ương, Trung tâm Kiểm tra Thú y Trung ương I và II, Phòng xét nghiệm của Cơ quan Thú y vùng, Chi cục Thú y cấp tùy theo từng bệnh, phân cấp chẩn đoán, xét nghiệm của Cục Thú y.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải tiến hành thẩm định và trả lời kết quả cho địa phương và cơ sở.

4. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đăng ký công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ”.

### **Điều 13. Thành lập đoàn thẩm định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh<sup>6</sup>**

1. Quyết định thành lập đoàn thẩm định.

a) Cục trưởng Cục Thú y ra Quyết định thành lập đoàn thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật; Giám đốc Cơ quan Thú y vùng ra Quyết định thành lập đoàn thẩm định cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với cơ sở chăn nuôi do Trung ương quản lý và cơ sở chăn nuôi có vốn đầu tư của nước ngoài;

b) Chi cục trưởng Chi cục Thú y tỉnh, thành phố ra Quyết định thành lập đoàn thẩm định cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với cơ sở chăn nuôi do địa phương quản lý và xã an toàn dịch bệnh động vật.

2. Thành phần đoàn thẩm định gồm đại diện các phòng chuyên môn như Dịch tễ hoặc Kỹ thuật, Kiểm dịch, Pháp chế. Trong trường hợp cần thiết có thể bổ sung đại diện của các trung tâm chuyên ngành như Trung tâm Chẩn đoán thú y TW, Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y hoặc phòng Chẩn đoán xét nghiệm”.

### **Điều 14. Nhiệm vụ của đoàn thẩm định**

1. Kiểm tra các điều kiện của vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh đề nghị được công nhận.

2. Đánh giá về tình hình dịch bệnh, vận chuyển gia súc trong vùng và xuất, nhập với các địa phương, nước khác.

3. Xác định khả năng của các cơ quan có trách nhiệm đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

---

<sup>6</sup> Điều này được sửa đổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

4. Lập báo cáo kết quả thẩm định và kiến nghị ở một trong các mức sau đây:

a) Mức A: đạt đầy đủ tiêu chuẩn về nội dung kiểm tra đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh, có số điểm thẩm định từ 70 - 100 điểm, đề nghị công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh;

b) Mức B: đạt tiêu chuẩn chưa đầy đủ, có số điểm thẩm định từ 50 - 69 điểm, cần hoàn thành những nội dung theo yêu cầu của đoàn thẩm định để đề nghị thẩm định lại;

c) Mức C: không đạt tiêu chuẩn, có số điểm thẩm định dưới 50 điểm, cần tiếp tục các hoạt động xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

#### **Điều 15. Thẩm quyền cấp giấy công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh**

Trên cơ sở báo cáo kết quả của Đoàn thẩm định, Cục Thú y có trách nhiệm xem xét và cấp giấy công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh đối với vùng, cơ sở đủ điều kiện theo quy định.

#### **Điều 16. Quản lý vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh<sup>7</sup>**

1. Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh có giá trị 02 năm kể từ ngày cấp đối với bệnh LMLM, Dịch tả lợn; 01 năm đối với bệnh Rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS), Newcastle, Dịch tả vịt, Gumboro, CRD, Bạch ly; 06 tháng đối với bệnh Cúm gia cầm. Cục Thú y có trách nhiệm thông báo danh sách các vùng, cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh; thu hồi Giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh nếu không đảm bảo các điều kiện theo quy định.

2. Thủ tục đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh được quy định như sau:

a) Trước khi Giấy chứng nhận hết hạn 02 tháng (riêng đối với Giấy chứng nhận an toàn bệnh Cúm gia cầm là 15 ngày), đơn vị phải gửi hồ sơ đăng ký gia hạn tới Cục Thú y;

b) Hồ sơ đăng ký gia hạn bao gồm: Đơn đề nghị gia hạn; Giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; các tài liệu khác theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh hợp lệ, Cục Thú y xem xét và gia hạn Giấy chứng nhận cho vùng, cơ sở đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trong

---

<sup>7</sup> Điều này được sửa đổi, theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

trường hợp cần thiết thì thành lập Đoàn thẩm định để kiểm tra, đánh giá lại trước khi gia hạn.

4. Mẫu giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật quy định tại Phụ lục số 10 kèm theo Thông tư này”.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về thú y đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh**

1. Cục Thú y chịu trách nhiệm:

- a) Hướng dẫn, chỉ đạo các Chi cục Thú y trong việc xây dựng và quản lý các hoạt động đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh;
- b) Thẩm định vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh;
- c) Ra quyết định công nhận vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh;
- d) Giám sát, kiểm tra, thanh tra các vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm:

- a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về kế hoạch xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh ở địa phương;
- b) Đầu tư kinh phí cho các hoạt động về thú y và các hoạt động khác trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

3. Chi cục Thú y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm:

- a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ sở chăn nuôi trong việc lập hồ sơ, phối hợp với các cơ quan hữu quan ở địa phương, cơ sở chăn nuôi xây dựng, quản lý vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh và thực hiện các nội dung chuyên môn kỹ thuật thuộc thẩm quyền;
- b) Thành lập đoàn thẩm định và đề nghị Cục Thú y công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh theo phân công của Cục Thú y;
- c) Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy trình về vệ sinh thú y trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

3. Các đơn vị được Cục Thú y cử thẩm định, chẩn đoán xét nghiệm đối với các vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những kết luận của mình.

---

**Điều 18. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi thú y trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh**

1. Các cơ sở chăn nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trong vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải tuân theo các quy định của pháp luật về thú y đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh.

2. Tổ chức, cá nhân ở các vùng khác có các hoạt động liên quan đến vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh phải chấp hành các quy định áp dụng đối với vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh./.

---

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 13/VBHN-BNNPTNT

*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014***BỘ TRƯỞNG****Cao Đức Phát**

**PHỤ LỤC 1A<sup>8</sup>**

**Phụ lục 8: Mẫu đơn đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật**

Kính gửi:.....

Tên tôi là:..... Chức vụ:.....

Đại diện:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:..... Fax:.....

Xin đăng ký xây dựng vùng ATDB:.....(tên vùng, cơ sở chăn nuôi).....

Quy mô:.....

An toàn về bệnh..... đối với loài động vật là.....

.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm 200...

**Người làm đơn**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>8</sup> PHỤ LỤC 1A được sửa đổi, bổ sung bởi phụ lục 8: Mẫu đơn đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

**PHỤ LỤC 1B<sup>9</sup>**

**Phụ lục 9: Mẫu đơn đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011  
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**  
**Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật**

Kính gửi:.....

Tên tôi là:..... Chức vụ:.....

Đại diện:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị đăng ký xây dựng cơ sở ATDB:..... (tên cơ sở chăn nuôi).....

Quy mô:.....

An toàn về bệnh..... đối với loài động vật là.....

.....

.....

.....

....., ngày... tháng..... năm 20.....

**Người làm đơn**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>9</sup> PHỤ LỤC 1B được sửa đổi, bổ sung bởi phụ lục 9: Mẫu đơn đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

**Phụ lục 10: Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật<sup>10</sup>**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
 Independence - Freedom - Happiness  
**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
**Ministry of Agriculture and Rural Development**

**CỤC THÚ Y VIỆT NAM**  
**Department of Animal Health of Vietnam**  
**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**  
**CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENTS**  
**CHỨNG NHẬN**  
**THIS IS TO CERTIFY THAT**

Đơn vị:.....

The establishment:.....

Ở địa chỉ:.....

Located at the address:.....

Được công nhận an toàn dịch bệnh, chiếu theo các quy định tại Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đối với các bệnh sau:

In recognized the disease - free status, in accordance with conditions as specified within the MARD's Decision 66/2008/QĐ-BNN date 26/5/2008, with regard to the following diseases:

Số (No):.....*TY-ATDB*  
 Giấy chứng nhận này có giá trị trong  
 This certificate is valid for

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 201...

Hanoi, date  
**CỤC TRƯỞNG**  
**Director General**

<sup>10</sup> Phụ lục 10: Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật được (Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2008.

**Phụ lục 2a**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH**  
**Vùng an toàn dịch bệnh**

Kính gửi<sup>[1]</sup>:.....

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Đại diện:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại..... Fax.....

Đề nghị thẩm định vùng ATDB:..... (tên vùng ATDB).....

Quy mô:.....

An toàn về bệnh:..... đối với loài động vật là:.....

.....

.....

Đăng ký xây dựng vùng ATDB từ ngày... tháng... năm.....

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**Người làm đơn**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>[1]</sup> Theo điều 12 của Quy định này.

**Phụ lục 2b**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH**  
**Cơ sở an toàn dịch bệnh**

Kính gửi<sup>[2]</sup>:.....

Họ và tên:..... Chức vụ:.....

Đại diện:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại..... Fax.....

Đề nghị thẩm định cơ sở ATDB:..... *(tên cơ sở chăn nuôi)*.....

Quy mô:.....

An toàn về bệnh:..... đối với loài động vật:.....

.....  
Đăng ký xây dựng cơ sở ATDB từ ngày..... tháng..... năm.....

....., ngày.... tháng.... năm 20...

**Người làm đơn**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

[1] Cơ quan Thú y sẽ phê duyệt đơn.

**Phụ lục 3**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../BB-TY

....., ngày.... tháng.... năm 200....

**BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH****1. Cơ quan tiến hành thẩm định: Cục Thú y**

Gồm có:

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....
- Ông (bà):..... Chức vụ:.....
- Ông (bà):..... Chức vụ:.....
- Ông (bà):..... Chức vụ:.....
- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

**2. Cơ sở được thẩm định:.....**

Gồm có:

- Ông (bà):..... Chức vụ:.....
- Ông (bà):..... Chức vụ:.....
- Ông (bà):..... Chức vụ:.....

**3. Nội dung thẩm định:**

a) Cơ sở chăn nuôi:

- Điều kiện chuồng trại.
- Tình hình vệ sinh thú y.

b) Cơ sở giết mổ

- Điều kiện vệ sinh thú y
- Các giấy tờ có liên quan đến các trường hợp giết mổ bắt buộc, biên bản mổ khám.

c) Động vật:

- Chủng loại, số lượng.
- Tình trạng sức khỏe.
- Hợp đồng, hồ sơ tiêm phòng.

- Phiếu kết quả xét nghiệm bệnh.
  - Phiếu kết quả xét nghiệm kiểm tra độ miễn dịch.
  - Phiếu kết quả xét nghiệm khác.
  - Giấy tờ kiểm dịch.
- d) Báo cáo dịch tễ trong vùng.

**4. Nhận xét - kết luận:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Đại diện cơ sở được thẩm định**

**Đại diện cơ quan thẩm định**

**Phụ lục 4a**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH****Về điều kiện vùng an toàn dịch bệnh<sup>1</sup>**

Tên vùng ATDB:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

**1. Mô tả vùng ATDB<sup>2</sup>**

1.1. Địa điểm vùng ATDB

1.2. Địa lý tự nhiên - kinh tế - xã hội

1.3. Đặc điểm sản xuất chăn nuôi

**2. Hoạt động thú y trong vùng ATDB**

2.1. Thực trạng về tổ chức, quản lý, hoạt động thú y trong vùng ATDB

2.2. Kế hoạch về thú y để thực hiện việc xây dựng vùng ATDB

....., ngày... tháng... năm 200...

**Đại diện vùng ATDB**

*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>1</sup> Gửi kèm đơn xin đăng ký xây dựng vùng ATDB.

<sup>2</sup> Theo 2.2 phần III Hướng dẫn thực hiện.

**Phụ lục 4b**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ TRÌNH****Về điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh<sup>1</sup>**

Họ và tên chủ cơ sở:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại..... Fax.....

**3. Mô tả cơ sở ATDB<sup>2</sup>**

3.1. Địa điểm cơ sở ATDB

3.2. Địa lý tự nhiên - kinh tế - xã hội

3.3. Đặc điểm sản xuất chăn nuôi

**4. Hoạt động thú y trong cơ sở ATDB**

2.1. Thực trạng về tổ chức, quản lý, hoạt động thú y trong cơ sở ATDB

2.2. Kế hoạch về thú y để thực hiện việc xây dựng cơ sở ATDB.

....., ngày... tháng... năm 20...

**Đại diện cơ sở ATDB**

*(Ký tên, đóng dấu)*

<sup>1</sup> Gửi kèm đơn xin đăng ký xây dựng cơ sở ATDB

<sup>2</sup> Theo điều 10 chương III của bản Quy định này.

**Phụ lục 5**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)

**TỜ TRÌNH VỀ ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH**

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi:.....

Địa chỉ:..... Điện thoại:.....

**1. Mô tả vị trí địa lý**

- Tổng diện tích đất tự nhiên.....

- Vùng tiếp giáp xung quanh.....

**2. Cơ sở vật chất**

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có..... Không.....

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực Có..... Không.....

Phòng giao dịch: Có..... Không.....

- Khu chăn nuôi: Ví dụ: Số nhà nuôi lợn nái.... Tổng diện tích.....

Số nhà nuôi lợn đực giống..... Tổng diện tích.....

Số nhà nuôi lợn thịt, lợn choai..... Tổng diện tích.....

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích.....

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích.....

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có.... Không.....

(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có.... Không....

Cách ly gia súc bệnh: Có.... Không....

(Nếu có mô tả quy mô, khoảng cách với khu khác).

- Khu tiêu hủy gia súc bệnh: Có.... Không....

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có.... Không....

- Phòng thay quần áo: Có..... Không....

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có.... Không....

(Nếu có mô tả phòng tắm, hóa chất sát trùng).

- Hồ sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có.... Không....

(Nếu có mô tả, hóa chất sát trùng).



- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?

.....

- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?

.....

.....

### **6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 3 năm gần đây**

- Tình hình dịch bệnh gia súc khu vực xung quanh trại?

.....

.....

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh hàng năm trong 3 năm gần đây.

.....

.....

- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?

.....

.....

....., ngày... tháng... năm...

**Chủ Cơ sở**

*Ghi chú:*

*Nếu có hoặc không đánh dấu v*

**Phụ lục 6**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN  
ngày 26 tháng 5 năm 2008)

**A. NHỮNG BỆNH KIỂM TRA HUYẾT THANH HỌC**

Bệnh	Đối tượng kiểm tra	Số lần kiểm tra/năm
Lở mồm long móng	Trâu, bò dê, cừu Lợn	1
Dịch tả lợn	Lợn đực giống, Lợn nái, Lợn thịt	1
Lepto	Lợn nái Lợn đực giống Trâu, bò	1
Lao	Trâu, bò	1
Sảy thai truyền nhiễm	Trâu, bò, dê Lợn đực giống, Lợn nái	1
Bạch ly	Gà giống 26 tuần Gà giò 20 tuần	1
CRD	Gà giống > 26 tuần Gà giống 20 tuần	1

**B. SỐ MẪU ĐIỀU TRA HUYẾT THANH HỌC ĐỂ PHÁT HIỆN BỆNH**

Tổng đàn	Tỷ lệ hiện mắc dự đoán						
	0,1%	0,5%	1%	2%	5%	10%	20%
50	50	50	50	48	35	22	12
100	100	100	96	78	45	25	13
200	200	190	155	105	51	27	14
500	500	349	225	129	56	28	14
1000	950	450	258	138	57	29	14
5000	2253	564	290	147	59	29	14
10000	2588	581	294	148	59	29	14
∞	2995	598	299	149	59	29	14

Công thức tính:

(1)

n: Số mẫu cần lấy

p: xác suất để phát hiện được bệnh (0.95)

d: số con mắc bệnh ( $d = N \times P$ )

### C. SỐ MẪU ĐIỀU TRA HUYẾT THANH HỌC ĐỂ XÁC ĐỊNH TỶ LỆ HIỆN MẮC BỆNH

(áp dụng cho đàn > 10.000 con)

Tỷ lệ lưu hành ước đoán	Độ chính xác		
	10%	5%	1%
10%	35	138	3457
20%	61	246	6147
30%	81	323	8067
40%	92	369	9220
50%	96	384	9604
60%	92	369	9220
70%	81	323	8067
80%	61	246	6147
90%	35	138	3457

Công thức tính: (2)

$n$  = số mẫu cần lấy

$P$  = tỷ lệ lưu hành

$d$  = sai số ước lượng

Trong trường hợp đàn nhỏ có thể hiệu chỉnh theo công thức sau:

(3)

$n(c)$ : Số mẫu hiệu chỉnh

$N$ : Tổng đàn

$n$ : Số mẫu cần lấy theo công thức (2)

**Phụ lục 7a**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008)

Phiếu thu thập số liệu tổng đàn

**GIA SÚC, GIA CẦM CỦA CHI CỤC THÚ Y TRƯỚC KHI TIÊM PHÒNG**

Tỉnh	Ngày bắt đầu tiêm phòng	Ngày kết thúc tiêm phòng	
------	-------------------------	--------------------------	--

Huyện	Trâu		Bò		Lợn		Dê		Cừu		Gà		Vịt		Chó	
	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																
11																



**Phụ lục 7b**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008)

**PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU TỔNG ĐÀN  
GIA SÚC, GIA CẦM CỦA HUYỆN TRƯỚC KHI TIÊM PHÒNG**

Tỉnh	Huyện	Ngày bắt đầu tiêm phòng	Ngày kết thúc tiêm phòng
------	-------	-------------------------	--------------------------

Xã	Trâu		Bò		Lợn		Dê		Cừu		Gà		Vịt		Chó	
	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																
11																

Xã	Trâu		Bò		Lợn		Dê		Cừu		Gà		Vịt		Chó	
	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm	Tổng số	Số thuộc diện tiêm
12																
13																
14																
15																
16																
17																
18																
19																
Tổng số																















Ngày	Vắc xin phòng bệnh										
	LMLM TB	LMLM lợn	THT Trâu bò	Nhiệt thán	Dịch tả lợn	Dại	THT lợn	Đóng dấu lợn	Niu cát sơn	Dịch tả vịt	Khác (...)
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
23											
24											
25											
26											
27											
28											
29											
30											
31											
Tổng số											

**Phụ lục 7g***(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008)***UBND XÃ.....**

Ban Thú y

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ****Tháng..... năm.....****Công tác khống chế dịch bệnh****1. Tình hình dịch bệnh**

Bệnh	Loài	Số thôn có bệnh	Số lượng gia súc/gia cầm		Biện pháp đã thực hiện để xử lý	Tổng đàn
			ốm	chết		

**Nhận định tình hình dịch bệnh (Diễn biến, quy mô, biện pháp đã thực hiện đối với một số bệnh chính)**

## 2. Công tác tiêm phòng

### a) Tiêm phòng định kỳ

*(Báo cáo theo mẫu báo cáo tiêm phòng định kỳ của Ban Thú y xã)*

### b) Tiêm phòng bổ sung

Bệnh	Loài	Số lượng gia súc/gia cầm được tiêm	Số trong diện tiêm	Ghi chú

*Nhận định về công tác tiêm phòng*

*Nơi nhận:*

**TRƯỞNG BAN THÚ Y XÃ**

**Phụ lục 7h***(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008)*CHI CỤC TY.....  
TRẠM THỦ Y...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BC-TTY

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**  
**Tháng..... năm.....****I. Công tác không chế dịch bệnh****1. Tình hình dịch bệnh**

Bệnh	Loài	Số xã có bệnh	Số lượng		Tổng đàn	Biện pháp đã thực hiện
			ốm	Chết		

***Nhận định tình hình dịch bệnh (Diễn biến, quy mô, các biện pháp đã thực hiện đối với một số bệnh chính)***

## 2. Công tác tiêm phòng

• *Tiêm phòng định kỳ: Báo cáo theo mẫu báo cáo tiêm phòng định kỳ dành cho Trạm Thú y huyện và gửi về cho Chi cục Thú y sau mỗi đợt tiêm phòng.*

• *Tiêm phòng bổ sung: Hãy điền các chi tiết vào bảng tổng hợp dưới đây:*

Bệnh	Loài	Số gia súc/gia cầm được tiêm	Số trong diện tiêm	Tỷ lệ tiêm (%)

*Nhận định về việc tiêm phòng bổ sung*

--

## II. Công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ

### Kiểm soát giết mổ

--

**Kiểm dịch vận chuyển**

**III. Công tác quản lý thuốc**

**IV. Công tác tổ chức cán bộ - thanh tra**

*Nơi nhận:*

**TRẠM TRƯỞNG**

**Phụ lục 7i**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BNN ngày 26 tháng 5 năm 2008)*

SỞ NN&PTNT.....  
**CHI CỤC THÚ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../BC-CCTY

....., ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**  
**Tháng..... năm.....**

**I. Công tác không chế dịch bệnh**

**1. Tình hình dịch bệnh**

Bệnh	Số xã có bệnh	Số huyện có bệnh	Loài	Số lượng		Tổng đàn	Biện pháp đã thực hiện
				Ốm	Chết		

*Nhận định tình hình dịch bệnh (Diễn biến, quy mô, biện pháp đã thực hiện đối với một số bệnh chính)*

--

## 2. Công tác tiêm phòng

### *Tiêm phòng định kỳ*

Bệnh	Loại vắc xin sử dụng	Ngày bắt đầu đợt tiêm phòng định kỳ	Ngày kết thúc đợt tiêm phòng định kỳ	Số lượng gia súc/gia cầm được tiêm	Số trong diện tiêm	Tỷ lệ tiêm (%)

### *Tiêm phòng bổ sung*

Bệnh	Loại	Số gia súc/gia cầm được tiêm	Số trong diện tiêm	Tỷ lệ tiêm (%)

## II. Công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ

### 1. Kiểm dịch nhập tỉnh

Loại	Số lượng	Nguồn gốc	Ghi chú

## 2. Kiểm dịch xuất tỉnh

Loài	Số lượng	Nơi đến	Ghi chú

## 3. Kiểm soát giết mổ

--

## III. Công tác quản lý thuốc

--

## IV. Công tác tổ chức cán bộ - thanh tra

--

*Nơi nhận:*

**CHI CỤC TRƯỞNG**